

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2017/KDTM-PT

Ngày 14 -9-2017

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Phương

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Thu Hà

Ông Vũ Văn Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thúy Hà – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hải phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2017/TLPT-KDTM ngày 23 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2017/KDTM-ST ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 564/2017/QĐ-PT ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần A (viết tắt là Ngân hàng A); trụ sở: Số 35 B, quận C, thành phố Hà Nội. Chi nhánh: Ngân hàng A - Chi nhánh Lạch Tray; địa chỉ chi nhánh: Số 320 - 322 đường D, phường E, quận F, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị P- chức vụ Phó Giám đốc phụ trách Phòng giao dịch N- Chi nhánh Lạch Tray, Ngân hàng A làm đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền số 445A ngày 28/10/2016); có mặt.

- Bị đơn: Công ty Cổ phần H (viết tắt là Công ty H); trụ sở ĐKKD: Số 34 đường I, phường K, quận N, thành phố Hải Phòng; trụ sở đang hoạt động: Số 77 đường L, phường M, quận N, thành phố Hải Phòng;

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Tiến T- Phó Giám đốc làm đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền số 10/2017/UQ ngày 13/9/2017); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Đồng Duyên T-
Luật sư Công ty luật D- Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Người kháng cáo:* Công ty Cổ phần H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tóm tắt nội dung, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm:

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng Thương mại cổ phần A là bà Nguyễn Thị P trình bày:

Trong các năm 2009, 2010 Chi nhánh Ngân hàng Phát triển nhà đồng bằng sông Cửu Long tại Hải Phòng - phòng giao dịch số 2 (nay là Ngân hàng A - Chi nhánh Lạch Tray - Phòng giao dịch N) và Công ty H đã ký 02 hợp đồng tín dụng, cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng số TD.2083.09/HĐTD ngày 23/12/2009 với số tiền vay 1.300.000.000 đồng, thời hạn vay 48 tháng, mục đích vay để bổ sung vốn mua xe ô tô để kinh doanh dịch vụ vận chuyển hành khách bằng taxi; lãi suất thả nổi; kỳ đầu tiên là 1%/tháng; lãi suất được điều chỉnh 03 tháng một lần. Các kỳ tiếp theo được điều chỉnh theo nguyên tắc = lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả lãi sau của Ngân hàng cộng với biên độ 0,42%/tháng. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất thỏa thuận (trong hạn). Sau thời gian ân hạn là 03 tháng, nợ gốc trả dần vào ngày 20 hàng tháng theo kế hoạch trả nợ (kèm hợp đồng tín dụng).

Để đảm bảo cho khoản vay trên, Công ty H đã ký hợp đồng thế chấp số 2083.09/HĐTC4 ngày 23/12/2009 theo đó thế chấp quyền sở hữu và sử dụng hợp pháp là 10 xe ô tô con 05 chỗ ngồi, sản xuất năm 2009; nhãn hiệu: CHEVROLET; màu sơn GHI; gồm biển kiểm soát: số 16M-9594, số 16M-9610, số 16M-9601, số 16M-9602, số 16M-9604, số 16M-9640, số 16M-9600, số 16M-9564, số 16M-9606 số 16M-9592 đều đứng tên chủ xe là Công ty cổ phần taxi và du lịch H.

- Hợp đồng tín dụng số TD.2005.10/HĐTD ngày 12/01/2010 với số tiền vay 1.500.000.000 đồng, thời hạn vay 48 tháng, mục đích vay để bổ sung vốn mua xe ô tô để kinh doanh dịch vụ vận chuyển hành khách bằng taxi; lãi suất thả nổi; kỳ đầu tiên là 1%/tháng; lãi suất được điều chỉnh 03 tháng một lần. Các kỳ tiếp theo được điều chỉnh theo nguyên tắc = lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả lãi sau của Ngân hàng cộng với biên độ 0,42%/tháng. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất thỏa thuận (trong hạn). Sau thời gian ân hạn là 03 tháng, nợ gốc trả dần vào ngày 20 hàng tháng theo kế hoạch trả nợ (kèm hợp đồng tín dụng).

Để đảm bảo cho khoản vay trên, Công ty H thế chấp quyền sử dụng 40,06m² đất tại địa chỉ số 39A xóm Trung, phường Đằng Giang, quận N, thành phố Hải Phòng theo GCN quyền sử dụng đất số AN 448809 ngày 16/9/2008 mang tên ông Lê Quang Hòa và bà Nguyễn Thị Hải Hà. Tuy nhiên, giữa ngân hàng và bị đơn đã giải quyết xong tài sản thế chấp này nên phía nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, theo Hợp đồng thế chấp số 2005.10/HĐTC4 ngày 12/01/2010, Công ty H còn thế chấp quyền sở hữu và sử dụng hợp pháp là 10 xe ô tô con 05 chỗ ngồi, sản xuất năm 2009; nhãn hiệu: CHEVROLET; màu sơn GHI; gồm biển

kiểm soát: số 16N-1481, số 16N-1482, số 16N-1483, số 16N-1494, số 16N-1501, số 16N-1503, số 16N-1506, số 16N-1508, số 16N-1570, số 16N-1476 đều đứng tên chủ xe là Công ty cổ phần taxi và du lịch H.

Quá trình sử dụng vốn vay, Công ty H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo quy định tại các Hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng. Ngân hàng nhiều lần đôn đốc việc trả nợ nhưng Công ty vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng. Tính đến ngày 21/4/2017 Công ty H vẫn còn nợ Ngân hàng số tiền 692.972.264 đồng gồm:

- Hợp đồng tín dụng số TD.2083.09/HĐTD ngày 23/12/2009: Nợ gốc: 53.808.309 đồng, lãi trong hạn: 141.512.397 đồng, lãi quá hạn: 45.000.261 đồng. Tổng cộng là 240.320.967 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số TD.2005.10/HĐTD ngày 12/01/2010: Nợ gốc: 161.060.000 đồng, lãi trong hạn: 235.460.956 đồng, lãi quá hạn: 56.130.341 đồng. Tổng cộng là 452.651.297 đồng.

Tổng hai khoản vay trên là 692.972.264 đồng gồm: Nợ gốc: 214.868.309 đồng, lãi trong hạn: 376.973.353 đồng, lãi quá hạn: 101.130.602 đồng.

Theo đơn khởi kiện và ý kiến tại phiên tòa, Ngân hàng yêu cầu:

- Buộc Công ty H phải thanh toán toàn bộ số nợ **692.972.264** đồng và phải tiếp tục trả nợ lãi cho Ngân hàng theo lãi suất đã được hai bên thỏa thuận trong hai hợp đồng tín dụng cho đến khi thực hiện xong.

- Về G thức và thời hạn thanh toán: Nguyên đơn đồng ý với quan điểm của bị đơn về nợ gốc, cho bị đơn thanh toán nợ gốc trong thời hạn 06 tháng (từ tháng 4/2017 đến tháng 8/2017 mỗi tháng là 35.000.000 đồng; tháng 9/2017 là 39.868.309 đồng) và thanh toán toàn bộ số tiền nợ lãi (trong hạn và quá hạn) chậm nhất đến hết ngày 15/12/2017.

- Về thứ tự thanh toán: Ưu tiên cho bị đơn trả nợ gốc đối với Hợp đồng tín dụng số TD.2083.09/HĐTD ngày 23/12/2009, sau đó trả đến nợ gốc hợp đồng số Hợp đồng tín dụng số TD.2005.10/HĐTD ngày 12/01/2010. Sau khi thanh toán hết nợ gốc, bị đơn sẽ thanh toán đến nợ lãi của hai hợp đồng trên chậm nhất đến hết ngày 15/12/2017.

- Trường hợp Công ty H không trả được nợ, Ngân hàng A đề nghị được yêu cầu Cơ quan Thi hành án phát mại tài sản thế chấp là 20 chiếc xe ô tô taxi vận chuyển hành khách theo 02 hợp đồng thế chấp đã ký kết để Ngân hàng thu hồi nợ.

Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai và ý kiến tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện của bị đơn trình bày: Xác nhận số dư nợ qua các Hợp đồng tín dụng như Ngân hàng nêu là đúng, thừa nhận toàn bộ ý kiến và các tài liệu, chứng cứ của nguyên đơn trình bày. Tuy nhiên bị đơn không đồng ý để Cơ quan Thi hành án phát mại tài sản bảo đảm là 20 chiếc xe ô tô con 5 chỗ ngồi hiệu Chevrolet như quan điểm của nguyên đơn vì số nợ gốc còn lại của Công ty H là quá nhỏ so với giá trị của tài sản bảo đảm.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2017/KDTM-ST ngày 21/4/2017 của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền đã áp dụng: Khoản 1 Điều 30;

điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 342; 343; 351; 355; 471; 473; 474 Bộ luật Dân sự 2005; các Điều 90; 91; 94; 95; 98 Luật các tổ chức tín dụng; Khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 12:

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần A đối với Công ty Cổ phần Taxi và Du lịch H:

1. Buộc bị đơn Công ty Cổ phần H phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần A tổng số tiền nợ còn lại của Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số TD.2083.09/HĐTD ngày 23/12/2009 và Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số TD.2005.10/HĐTD ngày 12/01/2010, tính đến ngày 21/4/2017 là **692.972.264** đồng, bao gồm: Nợ gốc: 214.868.309 đồng; lãi trong hạn: 376.973.353 đồng; lãi quá hạn: 101.130.602 đồng.

Công ty Cổ phần H phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với các khoản tiền chậm trả nói trên kể từ sau ngày tuyên bản án sơ thẩm cho đến khi thanh toán hết nợ, theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

- Về phương thức và thời hạn thanh toán:

+ Đối với nợ gốc: thời hạn thanh toán là 06 tháng, vào ngày 30 hàng tháng, cụ thể:

Từ tháng 4/2017 đến tháng 8/2017: mỗi tháng là 35.000.000 đồng

Tháng 9/2017 là 39.868.309 đồng.

+ Đối với nợ lãi (trong hạn và quá hạn) là 478.103.955 đồng, thời hạn thanh toán chậm nhất đến hết ngày 15/12/2017.

- Về thứ tự thanh toán:

- Nợ gốc của Hợp đồng tín dụng số TD.2083.09/HĐTD ngày 23/12/2009

- Nợ gốc của Hợp đồng tín dụng số TD.2005.10/HĐTD ngày 12/01/2010

- Nợ lãi của Hợp đồng tín dụng số TD.2083.09/HĐTD ngày 23/12/2009.

- Nợ lãi của Hợp đồng tín dụng số TD.2005.10/HĐTD ngày 12/01/2010.

2. Về quyền phát mại tài sản thế chấp: Trường hợp Công ty H vi phạm nghĩa vụ thanh toán trả nợ tại bất kỳ kỳ hạn (tháng) thanh toán nào theo G thức và thời hạn trên, Ngân hàng A được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên và phát mại các tài sản thế chấp sau để thu hồi nợ:

2.1. Xe ô tô con 05 chỗ ngồi, sản xuất năm 2009; nhãn hiệu: CHEVROLET; màu sơn GHI; số khung 484E9H005102; số máy: 8S3393559KC2; biển kiểm soát số 16M-9594. Đăng ký xe ô tô số 019384 do Phòng CSGT Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 24/10/2009 đứng tên chủ xe là Công ty cổ phần taxi và du lịch H.

2.2. Xe ô tô con 05 chỗ ngồi, sản xuất năm 2009; nhãn hiệu: CHEVROLET; màu sơn GHI; số khung 484E9H005086; số máy: 8S3393572KC2; biển kiểm soát số 16M-9610. Đăng ký xe ô tô số 019380 do Phòng CSGT Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 24/10/2009 đứng tên chủ xe là Công ty cổ phần taxi và du lịch H.

2.3. Xe ô tô con 05 chỗ ngồi, sản xuất năm 2009; nhãn hiệu: CHEVROLET; màu sơn GHI; số khung 484E9H004950; số máy: 8S3169824KC1; biển kiểm soát số 16M-9601. Đăng ký xe ô tô số 019378 do Phòng CSGT Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 24/10/2009 đứng tên chủ xe là Công ty cổ phần taxi và du lịch H.

2.4. Xe ô tô con 05 chỗ ngồi, sản xuất năm 2009; nhãn hiệu: CHEVROLET; màu sơn GHI; số khung 484E9H005136; số máy: 8S3395344KC2; biển kiểm soát số 16M-9602. Đăng ký xe ô tô số 019383 do Phòng CSGT Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 24/10/2009 đứng tên chủ xe là Công ty cổ phần taxi và du lịch H.

2.5. Xe ô tô con 05 chỗ ngồi, sản xuất năm 2009; nhãn hiệu: CHEVROLET; màu sơn GHI; số khung 484E9H004905; số máy: 8S3169859KC1; biển kiểm soát số 16M-9604. Đăng ký xe ô tô số 019377 do Phòng CSGT Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 24/10/2009 đứng tên chủ xe là Công ty cổ phần taxi và du lịch H.

2.6. Xe ô tô con 05 chỗ ngồi, sản xuất năm 2009; nhãn hiệu: CHEVROLET; màu sơn GHI; số khung 484E9H005057; số máy: 8S3393732KC2; biển kiểm soát số 16M-9640. Đăng ký xe ô tô số 019379 do Phòng CSGT Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 24/10/2009 đứng tên chủ xe là Công ty cổ phần taxi và du lịch H.

2.7. Xe ô tô con 05 chỗ ngồi, sản xuất năm 2009; nhãn hiệu: CHEVROLET; màu sơn GHI; số khung 484E9H005069; số máy: 8S3393395KC2; biển kiểm soát số 16M-9600. Đăng ký xe ô tô số 019375 do Phòng CSGT Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 24/10/2009 đứng tên chủ xe là Công ty cổ phần taxi và du lịch H.

2.8. Xe ô tô con 05 chỗ ngồi, sản xuất năm 2009; nhãn hiệu: CHEVROLET; màu sơn GHI; số khung 484E9H004928; số máy: 8S3169727KC1; biển kiểm soát số 16M-9564. Đăng ký xe ô tô số 019376 do Phòng CSGT Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 24/10/2009 đứng tên chủ xe là Công ty cổ phần taxi và du lịch H.

2.9. Xe ô tô con 05 chỗ ngồi, sản xuất năm 2009; nhãn hiệu: CHEVROLET; màu sơn GHI; số khung 484E9H005129; số máy: 8S3395342KC2; biển kiểm soát số 16M-9606. Đăng ký xe ô tô số 019385 do Phòng CSGT Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 24/10/2009 đứng tên chủ xe là Công ty cổ phần taxi và du lịch H.

2.10. Xe ô tô con 05 chỗ ngồi, sản xuất năm 2009; nhãn hiệu: CHEVROLET; màu sơn GHI; số khung 484E9H005139; số máy: 8S3393731KC2; biển kiểm soát số 16M-9592. Đăng ký xe ô tô số 019381 do Phòng CSGT Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 24/10/2009 đứng tên chủ xe là Công ty cổ phần taxi và du lịch H.

Theo Hợp đồng thế chấp số 2083.09/HĐTC4 ngày 23/12/2009, công chứng số 2774.CVN/09.TC, quyển số 03-AP.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 23/12/2009 tại văn phòng công chứng An Phát, thành phố Hải Phòng.

2.11. Xe ô tô con 05 chỗ ngồi, sản xuất năm 2009; nhãn hiệu: CHEVROLET; màu sơn GHI; số khung RLLKF484E9H006683; số máy: A08S3451598KC2; biển kiểm soát số 16N-1481. Đăng ký xe ô tô số 002271 do Phòng CSGT Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 31/12/2009 đứng tên chủ xe là Công ty cổ phần taxi và du lịch H

2.12. Xe ô tô con 05 chỗ ngồi, sản xuất năm 2009; nhãn hiệu: CHEVROLET; màu sơn GHI; số khung RLLKF484E9H006686; số máy: A08S3451569KC2; biển kiểm soát số 16N-1482. Đăng ký xe ô tô số 002272 do Phòng CSGT Công an thành

phố Hải Phòng cấp ngày 31/12/2009 đứng tên chủ xe là Công ty cổ phần taxi và du lịch H.

2.13. Xe ô tô con 05 chỗ ngồi, sản xuất năm 2009; nhãn hiệu: CHEVROLET; màu sơn GHI; số khung RLLKF484E9H006685; số máy: A08S3451573KC2; biển kiểm soát số 16N-1483. Đăng ký xe ô tô số 002273 do Phòng CSGT Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 31/12/2009 đứng tên chủ xe là Công ty cổ phần taxi và du lịch H.

2.14. Xe ô tô con 05 chỗ ngồi, sản xuất năm 2009; nhãn hiệu: CHEVROLET; màu sơn GHI; số khung RLLKF484E9H006687; số máy: A08S3451585KC2; biển kiểm soát số 16N-1494. Đăng ký xe ô tô số 002274 do Phòng CSGT Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 31/12/2009 đứng tên chủ xe là Công ty cổ phần taxi và du lịch H.

2.15. Xe ô tô con 05 chỗ ngồi, sản xuất năm 2009; nhãn hiệu: CHEVROLET; màu sơn GHI; số khung RLLKF484E9H006682; số máy: A08S3451587KC2; biển kiểm soát số 16N-1501. Đăng ký xe ô tô số 002278 do Phòng CSGT Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 31/12/2009 đứng tên chủ xe là Công ty cổ phần taxi và du lịch H.

2.16. Xe ô tô con 05 chỗ ngồi, sản xuất năm 2009; nhãn hiệu: CHEVROLET; màu sơn GHI; số khung RLLKF484E9H006681; số máy: A08S3451584KC2; biển kiểm soát số 16N-1503. Đăng ký xe ô tô số 002263 do Phòng CSGT Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 31/12/2009 đứng tên chủ xe là Công ty cổ phần taxi và du lịch H.

2.17. Xe ô tô con 05 chỗ ngồi, sản xuất năm 2009; nhãn hiệu: CHEVROLET; màu sơn GHI; số khung RLLKF484E9H006684; số máy: A08S3451583KC2; biển kiểm soát số 16N-1506. Đăng ký xe ô tô số 002279 do Phòng CSGT Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 31/12/2009 đứng tên chủ xe là Công ty cổ phần taxi và du lịch H.

2.18. Xe ô tô con 05 chỗ ngồi, sản xuất năm 2009; nhãn hiệu: CHEVROLET; màu sơn GHI; số khung RLLKF484E9H006680; số máy: A08S3451577KC2; biển kiểm soát số 16N-1508. Đăng ký xe ô tô số 002280 do Phòng CSGT Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 31/12/2009 đứng tên chủ xe là Công ty cổ phần taxi và du lịch H.

2.19. Xe ô tô con 05 chỗ ngồi, sản xuất năm 2009; nhãn hiệu: CHEVROLET; màu sơn GHI; số khung RLLKF484E9H006688; số máy: A08S3451586KC2; biển kiểm soát số 16N-1570. Đăng ký xe ô tô số 002292 do Phòng CSGT Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 31/12/2009 đứng tên chủ xe là Công ty cổ phần taxi và du lịch H.

2.20. Xe ô tô con 05 chỗ ngồi, sản xuất năm 2009; nhãn hiệu: CHEVROLET; màu sơn GHI; số khung RLLKF484E9H006679; số máy: A08S3451574KC2; biển kiểm soát số 16N-1476. Đăng ký xe ô tô số 002270 do Phòng CSGT Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 31/12/2009 đứng tên chủ xe là Công ty cổ phần taxi và du lịch H.

Theo hợp đồng thế chấp số 2005.10/HĐTC4 ngày 12/01/2010, công chứng số 0176.CVN/2010.TCTS, quyển số 01-AP.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 12/01/2010 tại văn phòng công chứng An Phát, thành phố Hải Phòng

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ nộp án phí, quyền kháng cáo của các đương sự

2. Nội dung kháng cáo:

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 16/5/2017, Công ty H kháng cáo Bản án sơ thẩm số 01/2017/KDTM-ST ngày 21/4/2017 của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phát mại toàn bộ 20 chiếc xe ô tô là tài sản mà Công ty thế chấp là nặng, vì số nợ gốc còn lại của Công ty H là quá nhỏ so với giá trị của tài sản bảo đảm.

3. Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện hợp pháp của Công ty H giữ nguyên nội dung kháng cáo và cho rằng số nợ gốc còn lại của Công ty H là quá nhỏ so với giá trị của tài sản bảo đảm. Vì vậy, Công ty không đồng ý việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phát mại 20 chiếc xe ô tô là tài sản thế chấp trong trường hợp Công ty không trả được nợ. Tuy nhiên, ngày 18/7/2017 người đại diện hợp pháp của Công ty và người đại diện hợp pháp của Ngân hàng TMCP A đã có Biên bản làm việc thống nhất thỏa thuận: Tính đến ngày 21/4/2017 Công ty H còn nợ Ngân hàng A số tiền là 692.972.264 đồng, nợ lãi trong hạn là 376.973.353 đồng, nợ lãi quá hạn là 101.130.602 đồng. Công ty H sẽ phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh trên nợ gốc mà hai bên đã thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng. Công ty H cam kết đến ngày 14/9/2017 sẽ trả 10.000.000đ (mười triệu đồng) trừ vào tiền nợ lãi. Hai bên thỏa thuận chậm nhất đến ngày 25/12/2017, Công ty H sẽ trả hết toàn bộ nợ gốc và nợ lãi. Nếu Công ty vi phạm cam kết thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mại toàn bộ tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp đã ký giữa hai bên, Công ty H phải chịu toàn bộ án phí. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận này giữa Công ty H và Ngân hàng A.

Đại diện Ngân hàng trình bày: Thực hiện các hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã giải ngân đủ số tiền cho vay là 2.800.000 đồng, Công ty H đã nhận đủ số tiền trên. Quá trình sử dụng vốn vay, Công ty H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo quy định tại các Hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng. Ngân hàng nhiều lần đôn đốc việc trả nợ nhưng Công ty vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm Công ty H còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 692.972.264 đồng, nợ lãi trong hạn là 376.973.353 đồng, nợ lãi quá hạn là 101.130.602 đồng. Ngày 18/7/2017, giữa Công ty H và Ngân hàng đã có Biên bản làm việc và thống nhất nội dung thỏa thuận như Công ty H đã trình bày. Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận giữa hai bên. Nếu Công ty H vi phạm các thỏa thuận trong nội dung Biên bản trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mại toàn bộ tài sản đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp hai bên đã ký.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa khi phát biểu ý kiến đã xác định: Từ khi thụ lý vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đến

nay, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung kháng cáo:

Công ty cho rằng Công ty chưa trả được nợ vì hoạt động sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn là không có căn cứ chấp nhận vì việc khó khăn về kinh tế không được thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng để làm căn cứ giảm thanh toán gốc và lãi cho bị đơn nên bị đơn phải có trách nhiệm đối với những khoản nợ. Bị đơn cho rằng Ngân hàng không giúp đỡ để gia hạn đăng ký xe cho bị đơn nên xe của bị đơn không hoạt động được và bị tạm giữ 05 cái cũng không được chấp nhận. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải thanh toán tổng cộng số tiền 692.972.264 đồng cho nguyên đơn là có căn cứ. Tại phiên tòa, các đương sự giữ nguyên nội dung thỏa thuận trong Biên bản làm việc ngày 18/7/2017. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự công nhận sự thỏa thuận này của các đương sự. Tuy nhiên Bản án tuyên việc Công ty H tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với các khoản tiền chậm trả là chưa chính xác mà cần phải tuyên theo Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 là chịu khoản tiền lãi đối với số nợ gốc và tuyên về việc điều chỉnh lãi suất cho vay. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm.

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ, yêu cầu kháng cáo của bị đơn, nghe các đương sự trình bày và tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án kinh doanh thương mại, tranh chấp về hợp đồng tín dụng được quy định tại Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa, đại diện của Công ty H thừa nhận việc ký các Hợp đồng tín số TD.2083.09/HĐTD ngày 23/12/2009, số TD.2005.10/HĐTD ngày 12/01/2010 và các Hợp đồng thế chấp tài sản số 2083.09/HĐTC4 ngày 23/12/2009, số 2005.10/HĐTC4 ngày 12/01/2010 với Ngân hàng TMCP A với mục đích vay vốn phục vụ cho việc kinh doanh của Công ty. Việc ký hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp trên cơ sở thỏa thuận giữa các bên, hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với các quy định của pháp luật, có hiệu lực thực hiện. Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng A đã giải ngân cho Công ty H vay tổng số tiền là 2.800.000.000 đồng theo đúng cam kết tại các hợp đồng tín dụng. Mặc dù đã nhận tiền vay để kinh doanh nhưng Công ty H đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo đúng kỳ hạn hợp đồng đã cam kết. Việc không trả nợ theo đúng cam kết hợp đồng của Công ty là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, vi phạm hợp đồng. Vì vậy Ngân hàng khởi kiện là phù hợp với quy định trong các hợp đồng tín dụng. Tính đến ngày 21/4/2017 Công ty H còn nợ Ngân hàng A tổng số tiền là 692.972.264 đồng gồm: Nợ gốc là 214.868.309 đồng, nợ lãi trong hạn là 376.973.353 đồng, nợ lãi quá hạn là 101.130.602 đồng (theo Hợp đồng tín dụng số TD.2083.09/HĐTD ngày 23/12/2009 nợ gốc là 53.808.309 đồng, lãi trong hạn là

141.512.397 đồng, lãi quá hạn là 45.000.261 đồng; Hợp đồng tín dụng số TD.2005.10/HĐTD ngày 12/01/2010 nợ gốc là 161.060.000 đồng, lãi trong hạn là 235.460.956 đồng, lãi quá hạn là 56.130.341 đồng). Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải thanh toán khoản tiền gốc và lãi nêu trên cho nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn về việc do hoạt động sản xuất kinh doanh khó khăn nên không trả hết số nợ Ngân hàng, thấy: Trong các hợp đồng tín dụng được ký kết giữa hai bên không có việc thỏa thuận hoạt động sản xuất kinh doanh khó khăn là điều kiện để miễn giảm lãi hay điều kiện để các bên không thực hiện cam kết trong hợp đồng. Công ty H đã tự nguyện giao kết các hợp đồng nêu trên, đã nhận và sử dụng vốn vay, nên Công ty phải có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng đã quy định. Do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo này của Công ty.

[4] Xét kháng cáo của bị đơn cho rằng việc phát mại toàn bộ tài sản thế chấp là quá nặng: Để đảm bảo cho khoản vay, Công ty H đã tự nguyện ký các hợp đồng thế chấp tài sản. Các đương sự không có thỏa thuận nào khác về việc chỉ xử lý một phần trong tổng số tài sản bảo đảm trong trường hợp xảy ra vi phạm hợp đồng tín dụng nên Ngân hàng A có quyền và được yêu cầu xử lý phát mại toàn bộ tài sản thế chấp tương ứng với các hợp đồng tín dụng bị vi phạm phù hợp với các quy định tại Khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng, Điều 347, khoản 7 Điều 351, Điều 355 Bộ luật Dân sự năm 2005 và thỏa thuận của các đương sự trong Hợp đồng thế chấp số 2083.09/HĐTC4 ngày 23/12/2009 và Hợp đồng thế chấp số 2005.10/HĐTC4 ngày 12/01/2010.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, cả Công ty H và Ngân hàng A đều thống nhất thực hiện thỏa thuận tại Biên bản làm việc ngày ngày 18/7/2017, theo đó: Tính đến ngày 21/4/2017 Công ty H còn nợ Ngân hàng A số tiền là 692.972.264 đồng gồm: Nợ gốc là 214.868.309 đồng, nợ lãi trong hạn là 376.973.353 đồng, nợ lãi quá hạn là 101.130.602 đồng. Công ty H cam kết đến ngày 14/9/2017 sẽ trả 10.000.000đ (mười triệu đồng) trừ vào tiền nợ lãi. Hai bên thỏa thuận chậm nhất đến ngày 25/12/2017, Công ty H sẽ trả hết toàn bộ nợ gốc và nợ lãi. Công ty H sẽ phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh trên nợ gốc mà hai bên đã thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng. Nếu Công ty vi phạm cam kết thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mại toàn bộ tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp đã ký giữa hai bên, Công ty H phải chịu toàn bộ án phí. Xét thấy, việc thỏa thuận trên giữa các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, trung thực, không vi phạm điều cấm pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Do đó cần chấp nhận sự thỏa thuận này, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm căn cứ vào Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa Bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[6] Tuy nhiên, Bản án sơ thẩm tuyên về lãi suất chậm thi hành án chưa đúng quy định của pháp luật và Án lệ số 08 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, cụ thể: Bản án sơ thẩm buộc Công ty Cổ phần H phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với các khoản tiền chậm trả kể từ sau ngày tuyên bản án sơ thẩm cho đến khi thanh toán hết nợ là có phần bất lợi cho bị đơn; Việc tuyên về lãi suất như vậy là chưa đúng cần rút kinh nghiệm. Vì vậy, cần phải sửa theo hướng buộc Công ty

Cổ phần H phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với các khoản nợ gốc của hai hợp đồng tín dụng nêu trên kể từ sau ngày tuyên bản án sơ thẩm cho đến khi thanh toán hết nợ gốc và việc điều chỉnh lãi suất như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

[7] Về án phí: Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm bị sửa nên Công ty Cổ phần H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Đối với án phí dân sự sơ thẩm: Trước khi mở phiên tòa phúc thẩm các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các bên. Căn cứ khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án cấp phúc thẩm xác định lại nghĩa vụ chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Công ty H phải chịu 50% án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 30, Điều 147, Điều 148; Điều 300, Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 342; 343; 347, 351; 355; 471; 473; 474 Bộ luật Dân sự 2005; Khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Khoản 2 Điều 27, khoản 2 Điều 30 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 12; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của Công ty Cổ phần H. Sửa Bản án sơ thẩm:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Tính đến ngày 21/4/2017 Công ty H còn nợ Ngân hàng A số tiền là 692.972.264đ (Sáu trăm chín mươi hai triệu, chín trăm bảy mươi hai ngàn, hai trăm sáu mươi tư đồng, trong đó nợ gốc là 214.868.309đ (Hai trăm mười bốn triệu, tám trăm sáu mươi tám ngàn, ba trăm linh chín đồng), nợ lãi trong hạn là 376.973.353đ (Ba trăm bảy mươi sáu triệu, chín trăm bảy mươi ba ngàn, ba trăm năm mươi ba đồng), nợ lãi quá hạn là 101.130.602đ (Một trăm linh một triệu, một trăm ba mươi ngàn, sáu trăm linh hai đồng). *(Theo Hợp đồng tín dụng số TD.2083.09/HĐTD ngày 23/12/2009 nợ gốc là 53.808.309 đồng, lãi trong hạn là 141.512.397 đồng, lãi quá hạn là 45.000.261 đồng; Hợp đồng tín dụng số TD.2005.10/HĐTD ngày 12/01/2010 nợ gốc là 161.060.000 đồng, lãi trong hạn là 235.460.956 đồng, lãi quá hạn là 56.130.341 đồng).*

Chậm nhất đến ngày 25/12/2017, Công ty H sẽ trả hết toàn bộ nợ gốc và nợ lãi nêu trên.

Công ty H cam kết đến ngày 14/9/2017 sẽ trả 10.000.000đ (mười triệu đồng) trừ vào tiền nợ lãi.

Công ty Cổ phần H phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản nợ gốc kể từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ theo mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Trường hợp, trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Trường hợp Công ty Cổ phần H vi phạm cam kết tại Biên bản làm việc ngày 18/7/2017 thì Ngân hàng A được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên và phát mại các tài sản thế chấp sau để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp số 2083.09/HĐTC4 ngày 23/12/2009, công chứng số 2774.CVN/09.TC, quyền số 03-AP.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 23/12/2009 và Hợp đồng thế chấp số 2005.10/HĐTC4 ngày 12/01/2010, công chứng số 0176.CVN/2010.TCTS, quyền số 01-AP.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 12/01/2010 tại Văn phòng công chứng An Phát, thành phố Hải Phòng:

2.1. Xe ô tô con 05 chỗ ngồi, sản xuất năm 2009; nhãn hiệu: CHEVROLET; màu sơn GHI; số khung 484E9H005102; số máy: 8S3393559KC2; biển kiểm soát số 16M-9594. Đăng ký xe ô tô số 019384 do Phòng CSGT Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 24/10/2009 đứng tên chủ xe là Công ty cổ phần H.

2.2. Xe ô tô con 05 chỗ ngồi, sản xuất năm 2009; nhãn hiệu: CHEVROLET; màu sơn GHI; số khung 484E9H005086; số máy: 8S3393572KC2; biển kiểm soát số 16M-9610. Đăng ký xe ô tô số 019380 do Phòng CSGT Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 24/10/2009 đứng tên chủ xe là Công ty cổ phần H.

2.3. Xe ô tô con 05 chỗ ngồi, sản xuất năm 2009; nhãn hiệu: CHEVROLET; màu sơn GHI; số khung 484E9H004950; số máy: 8S3169824KC1; biển kiểm soát số 16M-9601. Đăng ký xe ô tô số 019378 do Phòng CSGT Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 24/10/2009 đứng tên chủ xe là Công ty cổ phần H.

2.4. Xe ô tô con 05 chỗ ngồi, sản xuất năm 2009; nhãn hiệu: CHEVROLET; màu sơn GHI; số khung 484E9H005136; số máy: 8S3395344KC2; biển kiểm soát số 16M-9602. Đăng ký xe ô tô số 019383 do Phòng CSGT Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 24/10/2009 đứng tên chủ xe là Công ty cổ phần H.

2.5. Xe ô tô con 05 chỗ ngồi, sản xuất năm 2009; nhãn hiệu: CHEVROLET; màu sơn GHI; số khung 484E9H004905; số máy: 8S3169859KC1; biển kiểm soát số 16M-9604. Đăng ký xe ô tô số 019377 do Phòng CSGT Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 24/10/2009 đứng tên chủ xe là Công ty cổ phần H.

2.6. Xe ô tô con 05 chỗ ngồi, sản xuất năm 2009; nhãn hiệu: CHEVROLET; màu sơn GHI; số khung 484E9H005057; số máy: 8S3393732KC2; biển kiểm soát số 16M-9640. Đăng ký xe ô tô số 019379 do Phòng CSGT Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 24/10/2009 đứng tên chủ xe là Công ty cổ phần H.

2.7. Xe ô tô con 05 chỗ ngồi, sản xuất năm 2009; nhãn hiệu: CHEVROLET; màu sơn GHI; số khung 484E9H005069; số máy: 8S3393395KC2; biển kiểm soát số 16M-9600. Đăng ký xe ô tô số 019375 do Phòng CSGT Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 24/10/2009 đứng tên chủ xe là Công ty cổ phần H.

2.8. Xe ô tô con 05 chỗ ngồi, sản xuất năm 2009; nhãn hiệu: CHEVROLET; màu sơn GHI; số khung 484E9H004928; số máy: 8S3169727KC1; biển kiểm soát

số 16M-9564. Đăng ký xe ô tô số 019376 do Phòng CSGT Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 24/10/2009 đứng tên chủ xe là Công ty cổ phần H.

2.9. Xe ô tô con 05 chỗ ngồi, sản xuất năm 2009; nhãn hiệu: CHEVROLET; màu sơn GHI; số khung 484E9H005129; số máy: 8S3395342KC2; biển kiểm soát số 16M-9606. Đăng ký xe ô tô số 019385 do Phòng CSGT Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 24/10/2009 đứng tên chủ xe là Công ty cổ phần H.

2.10. Xe ô tô con 05 chỗ ngồi, sản xuất năm 2009; nhãn hiệu: CHEVROLET; màu sơn GHI; số khung 484E9H005139; số máy: 8S3393731KC2; biển kiểm soát số 16M-9592. Đăng ký xe ô tô số 019381 do Phòng CSGT Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 24/10/2009 đứng tên chủ xe là Công ty cổ phần H.

(Theo Hợp đồng thế chấp số 2083.09/HĐTC4 ngày 23/12/2009, công chứng số 2774.CVN/09.TC, quyền số 03-AP.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 23/12/2009 tại Văn phòng công chứng An Phát, thành phố Hải Phòng).

2.11. Xe ô tô con 05 chỗ ngồi, sản xuất năm 2009; nhãn hiệu: CHEVROLET; màu sơn GHI; số khung RLLKF484E9H006683; số máy: A08S3451598KC2; biển kiểm soát số 16N-1481. Đăng ký xe ô tô số 002271 do Phòng CSGT Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 31/12/2009 đứng tên chủ xe là Công ty cổ phần H

2.12. Xe ô tô con 05 chỗ ngồi, sản xuất năm 2009; nhãn hiệu: CHEVROLET; màu sơn GHI; số khung RLLKF484E9H006686; số máy: A08S3451569KC2; biển kiểm soát số 16N-1482. Đăng ký xe ô tô số 002272 do Phòng CSGT Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 31/12/2009 đứng tên chủ xe là Công ty cổ phần H.

2.13. Xe ô tô con 05 chỗ ngồi, sản xuất năm 2009; nhãn hiệu: CHEVROLET; màu sơn GHI; số khung RLLKF484E9H006685; số máy: A08S3451573KC2; biển kiểm soát số 16N-1483. Đăng ký xe ô tô số 002273 do Phòng CSGT Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 31/12/2009 đứng tên chủ xe là Công ty cổ phần H.

2.14. Xe ô tô con 05 chỗ ngồi, sản xuất năm 2009; nhãn hiệu: CHEVROLET; màu sơn GHI; số khung RLLKF484E9H006687; số máy: A08S3451585KC2; biển kiểm soát số 16N-1494. Đăng ký xe ô tô số 002274 do Phòng CSGT Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 31/12/2009 đứng tên chủ xe là Công ty cổ phần H.

2.15. Xe ô tô con 05 chỗ ngồi, sản xuất năm 2009; nhãn hiệu: CHEVROLET; màu sơn GHI; số khung RLLKF484E9H006682; số máy: A08S3451587KC2; biển kiểm soát số 16N-1501. Đăng ký xe ô tô số 002278 do Phòng CSGT Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 31/12/2009 đứng tên chủ xe là Công ty cổ phần H.

2.16. Xe ô tô con 05 chỗ ngồi, sản xuất năm 2009; nhãn hiệu: CHEVROLET; màu sơn GHI; số khung RLLKF484E9H006681; số máy: A08S3451584KC2; biển kiểm soát số 16N-1503. Đăng ký xe ô tô số 002263 do Phòng CSGT Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 31/12/2009 đứng tên chủ xe là Công ty cổ phần H.

2.17. Xe ô tô con 05 chỗ ngồi, sản xuất năm 2009; nhãn hiệu: CHEVROLET; màu sơn GHI; số khung RLLKF484E9H006684; số máy: A08S3451583KC2; biển kiểm soát số 16N-1506. Đăng ký xe ô tô số 002279 do Phòng CSGT Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 31/12/2009 đứng tên chủ xe là Công ty cổ phần H.

2.18. Xe ô tô con 05 chỗ ngồi, sản xuất năm 2009; nhãn hiệu: CHEVROLET; màu sơn GHI; số khung RLLKF484E9H006680; số máy: A08S3451577KC2; biển kiểm soát số 16N-1508. Đăng ký xe ô tô số 002280 do Phòng CSGT Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 31/12/2009 đứng tên chủ xe là Công ty cổ phần H.

2.19. Xe ô tô con 05 chỗ ngồi, sản xuất năm 2009; nhãn hiệu: CHEVROLET; màu sơn GHI; số khung RLLKF484E9H006688; số máy: A08S3451586KC2; biển kiểm soát số 16N-1570. Đăng ký xe ô tô số 002292 do Phòng CSGT Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 31/12/2009 đứng tên chủ xe là Công ty cổ phần H.

2.20. Xe ô tô con 05 chỗ ngồi, sản xuất năm 2009; nhãn hiệu: CHEVROLET; màu sơn GHI; số khung RLLKF484E9H006679; số máy: A08S3451574KC2; biển kiểm soát số 16N-1476. Đăng ký xe ô tô số 002270 do Phòng CSGT Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 31/12/2009 đứng tên chủ xe là Công ty cổ phần H.

(Theo Hợp đồng thế chấp số 2005.10/HĐTC4 ngày 12/01/2010, công chứng số 0176.CVN/2010.TCTS, quyển số 01-AP.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 12/01/2010 tại Văn phòng công chứng An Phát, thành phố Hải Phòng).

3. Về án phí kinh doanh thương mại:

Ngân hàng TMCP A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng TMCP A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 16.223.389đ (Mười sáu triệu, hai trăm hai mươi ba ngàn, ba trăm tám mươi chín đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 1524 ngày 20/12/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

Công ty Cổ phần H phải chịu 15.859.445 đồng án phí dân sự sơ thẩm và không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Công ty Cổ phần H được trừ 2.000.000đ (Hai triệu đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp, theo Biên lai thu tiền số 0001796 ngày 06/6/2017 tại Chi Cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố Hải Phòng. Công ty còn phải nộp 13.859.445đ (Mười ba triệu, tám trăm năm mươi chín ngàn, bốn trăm bốn mươi lăm đồng).

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSNDTP Hải Phòng;
- TAND quận Ngô Quyền;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Ngọc Phương

